TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HSST
Ngày 25 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Trần Văn Học

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1982 tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Kim Văn P (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt, hiện tại ngoại, "có mặt".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nghiêm Thị C, sinh năm 1972 ; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt"

- Nguyễn Văn V, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Dịch Đồng, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt"

- Anh Kim Văn P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- Văn phòng công chứng Vĩnh Yên

Người đại diện: Ông Đào Tiến T, sinh năm 1954; địa chỉ văn phòng làm việc: Số 11, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt"

Văn phòng Công chứng Lê Cân

Người đại diện: Bà NinhThị L, sinh năm 1967; địa chỉ văn phòng làm việc: 40, Phan Đình Giót, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/5/2018, Nguyễn Thị T được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CN 924097, số vào sổ cấp GCN: CS00711, số mã vạch: 0902818002222 đối với thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 100m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài.

Trong quá trình kinh doanh vật liệu xây dựng, Nguyễn Thị T đã vay tiền của một số người quen biết và của Ngân hàng để sử dụng mục đích kinh doanh và mục đích cá nhân. Trong đó, tháng 12/2018, T vay của chị Nghiêm Thị C, số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Văn V, tính đến đầu năm 2019 tổng số tiền vay của anh V là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Đầu năm 2019, do cần tiền để kinh doanh nên Nguyễn Thị T đã đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Vĩnh Phúc, phòng giao dịch Bình Xuyên để thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y để vay tiền phục vụ công việc kinh doanh và sử dụng mục đích cá nhân. Để làm thủ tục vay tiền, Nguyễn Thị T đã cung cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất cùng các giấy tờ liên quan cho Ngân hàng. Trong thời gian chờ hoàn tất thủ tục, giải ngân khoản vay, tháng 02/2019 chị Nghiêm Thị C đề nghị T trả số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Do việc kinh doanh thời điểm này bị thua lỗ, T đề nghị Chị C cho giãn nợ để có thời gian thu xếp trả dần nhưng Chị C không đồng ý vì thấy công việc kinh doanh của T đang có dấu hiệu bị "vỡ nợ". Chị C thường xuyên liên hệ yêu cầu T trả tiền, để trì hoãn việc trả tiền nợ, Nguyễn Thị T nảy sinh ý định mua Giấy chứng nhận QSDĐ giả trên mạng xã hội đưa cho Chị C làm tin, đề nghị được giãn nợ, thu xếp trả nợ dần. Do còn lưu bản photocopy Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y nên khoảng giữa tháng 02/2019, Nguyễn Thị T đã truy cập mạng internet, tìm kiếm bài đăng liên quan đến in, làm các loại giấy tờ theo yêu cầu, khi liên hệ được với đối tượng nhận làm giả Giấy chứng nhận QSDĐ (T không rõ nhân thân, lại lịch của người này, chỉ liên hệ thông qua thông tin trên mạng internet), cung cấp cho đối tượng trên mạng xã hội để đặt mua 01 (một) Giấy chứng nhận QSDĐ giả có thông tin giống thông tin trên Giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên. Khoảng 1 tuần sau, T nhận

được Giấy chứng nhận QSDĐ giả gửi về qua dịch vụ chuyển phát, ngày 28/02/2019, T tìm gặp Chị C và thoả T về việc giao cho Chị C Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y để làm tin, đề nghị được giãn nợ và thu xếp trả dần cho Chị C số tiền 300.000.000đồng. Chị C thấy T vẫn còn tài sản để làm tin, vẫn có khả năng trả nợ nên đồng ý cho T được giãn nợ, trả dần số tiền trên và yêu cầu T phải làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất tại Văn phòng công chứng cho Chị C, theo thoả T, việc làm hợp đồng chuyển nhượng là để giằng buộc Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả nợ, không phải là đối trừ khoản nợ, Chị C không được sử dụng hợp đồng để làm thủ tục S tên tại các cơ quan quản lý đất đai, đến khi T trả hết số tiền nợ 300.000.000 đồng thì Chị C sẽ trả cho T Giấy chứng nhận QSDĐ cùng với hợp đồng đã công chứng, trường hợp T không có khả năng trả được nợ hoặc chỉ trả được một phần nợ thì giữa hai bên sẽ bàn bạc, thoả T, thống nhất lại về việc sử dụng thửa đất trên để gán trừ nợ cho Chị C, số tiền chênh lệch giữa số tiền nợ và giá trị thửa đất tại thời điểm đó sẽ được hai bên thống nhất, thoả T lại sau. Chị C đồng ý cho T được trả dần số tiền nợ 300.000.000 đồng đến khi hết nợ, không tính tiền lãi suất và không thoả T cụ thể về thời gian trả nợ. Cùng ngày, T và Chị C đến Văn phòng công chứng Vĩnh Yên, địa chỉ: Số 111, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Tại Văn phòng công chứng Vĩnh Yên, Nguyễn Thị T đã sử dụng Giấy chứng nhận QSDĐ giả mua trên mạng xã hội cung cấp cho ông Đào Tiến T - Công chứng viên để công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông Thức đã tiếp nhận hồ sơ, các giấy tờ, tài liệu do Nguyễn Thị T cung cấp và thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng thửa đất với bên chuyển nhượng là Nguyễn Thị T, bên nhận chuyển nhượng là chị Nghiêm Thị C. Sau khi hoàn tất thủ tục, ông Đào Tiến T giao hợp đồng đã công chứng cùng các tài liệu bản gốc lại cho Nguyễn Thị T, T đã giao Giấy chứng nhận QSDĐ cùng hợp đồng chuyển nhượng đã công chứng cho Chị C giữ để làm tin như thoả T trước đó.

Tháng 3/2019, Ngân hàng BIDV, chi nhánh Vĩnh Phúc, phòng giao dịch Bình Xuyên hoàn thiện thủ tục và giải ngân khoản vay 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng) cho Nguyễn Thị T, hợp đồng tín dụng được T uỷ quyền cho em trai là Nguyễn Hữu T cùng vợ là Ngô Thị Thu H đứng tên, số tiền này sau khi được giải ngân T đã sử dụng trả nợ cho một số người và sử dụng mục đích cá nhân hết. Đến tháng 04/2019, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị S tính tổng số tiền T đã vay đến thời điểm đó là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) và đề nghị T thanh toán trả số tiền này. Thời điểm này, công việc kinh doanh của T vẫn đang gặp khó khăn, thua lỗ nên không có tiền trả cho anh V, chị S, do T có 01 thửa đất địa chỉ ở xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc giá trị 900.000.000 đồng nên dự định sẽ chuyển nhượng thửa đất này cho vợ chồng anh V để trừ nợ số tiền 900.000.000 đồng. Đối với 900.000.000 đồng còn lại, do chưa có tiền để trả nên T

tiếp tục nảy sinh ý định trì hoãn việc trả nợ. T liên hệ với đối tượng làm giấy tờ giả trên mạng internet đã làm cho T Giấy chứng nhận QSDĐ giả của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y trước đó và đề nghị người này làm, bán cho T thêm 01 Giấy chứng nhận QSDĐ giả nữa có cùng thông tin, đặc điểm, hình thức tương tự như trước đã làm. Khoảng 01 tuần sau từ khi đặt hàng, T nhận được Giấy chứng nhận QSDĐ giả gửi qua dịch vụ chuyển phát, T mang Giấy chứng nhận QSDĐ giả cùng với Giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất địa chỉ ở xã K, huyện T đến gặp anh V, chị S và đặt vấn đề trả nợ cho anh V, chị S. Theo đó, T sẽ chuyển nhượng thửa đất ở xã K, huyện T cho anh V, chị S để trả nợ số tiền 900.000.000 đồng. Đối với số tiền 900.000.000 đồng còn lại, T đề nghị được thu xếp để trả dần vì công việc kinh doanh đang gặp khó khăn, T đưa cho anh V, chị S Giấy chứng nhận QSDĐ giả của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y để làm tin để đảm bảo trách nhiệm trả nợ. Anh V, chị S đồng ý với đề nghị của T, chấp nhận việc nhận chuyển nhượng thửa đất ở K, huyện T để trừ nợ số tiền 900.000.000 đồng cho T, đồng thời cho T được trả dần số tiền nợ 900.000.000 đồng đến khi hết nợ, không tính lãi suất, theo thoả T dân sự giữa hai bên, anh V, chị S đồng ý cho T trả dần số tiền còn nợ và yêu cầu T phải làm hợp đồng công chứng để có trách nhiệm trả nợ, khi T trả hết nợ thì anh V sẽ trả lại Giấy chứng nhận QSDĐ cùng với hợp đồng công chứng cho T. Sau khi hai bên thống nhất nội dung trên, anh V, chị S yêu cầu T viết tay "Giấy bán đất thổ cư" để hợp thức tổng số tiền T còn nợ là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng), nội dung thể hiện Nguyễn Thị T bán cho anh V, chị S 02 (hai) thửa đất trên và đã nhận đủ tiền. Theo đề nghị của anh V, chị S, ngày 22/4/2019, T cùng với anh Kim Văn P (khi đó là chồng T) cùng với vợ chồng anh V đến Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc, địa chỉ: Phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để công chứng hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y cho anh V, chị S. Tại đây, T sử dụng Giấy chứng nhận QSDĐ giả cung cấp cho Công chứng viên là bà Ninh Thị L để công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Bà Ninh Thị L tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục công chứng theo quy định, sau khi T sử dụng Giấy chứng nhận QSDĐ giả đưa cho Công chứng viên để làm thủ tục. Sau khi hoàn tất thủ tục, bà Ninh Thị L giao hợp đồng đã công chứng cùng các tài liệu bản gốc lại cho Nguyễn Thị T, T đã giao Giấy chứng nhận QSDĐ cùng hợp đồng chuyển nhượng đã công chứng cho anh V, chị S giữ để làm tin như thoả T giữa hai bên đã thống nhất trước đó.

Sau khi trì hoãn được việc trả nợ cho chị Nghiêm Thị C và anh Nguyễn Văn V cùng vợ là Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T dự định sẽ tiếp tục công việc kinh doanh và thu xếp trả nợ cho những người trên, khi trả hết nợ sẽ lấy hai bản hợp đồng chuyển nhượng cùng hai Giấy chứng nhận QSDĐ giả của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, và cho rằng sẽ không ai biết đó là giấy tờ giả, sẽ không làm ảnh hưởng đến ai. Tuy nhiên, công việc kinh doanh của

Nguyễn Thị T gặp khó khăn, do nợ tiền của một số người nên thường xuyên bị chủ nợ tìm đến nhà đòi nợ, sự việc dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình nên Nguyễn Thị T đã ly hôn chồng là anh Kim Văn P và đi khỏi địa phương làm nhiều công việc khác nhau, vừa để tránh việc bị thúc ép trả nợ, vừa để có thời gian làm việc có tiền để trả nợ.

Sau khi giãn nợ cho T một thời gian, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị S liên hệ với T để hỏi về tiến độ thu xếp trả nợ nhưng nhiều lần không liên lạc được. Anh V, chị S tìm đến nhà T thì được biết T đã làm thủ tục ly hôn với chồng sau đó bỏ đi khỏi địa phương. Do nhiều lần tìm cách liên lạc nhưng không được, cho rằng T không có khả năng trả nợ số tiền 900.000.000 đồng còn lại nên anh V, chị S đã mang Giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y cùng với Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Yên Lạc để hỏi về thông tin thửa đất và quy trình thủ tục S tên, chuyển quyền sử dụng đất. Quá trình tiếp nhận hồ sơ, cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Yên Lạc nghi ngờ Giấy chứng nhận QSDĐ là giấy tờ giả do đó đã tạm giữ và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để xác minh. Sau khi biết thông tin Giấy chứng nhận QSDĐ do T giao cho là giấy tờ giả, anh V, chị S tiếp tục liên hệ với Nguyễn Thị T đề nghị T thanh toán trả số tiền 900.000.000 đồng còn nợ, đến ngày 20/6/2024, anh V, chị S đã gặp Nguyễn Thị T và đề nghị T trả tiền, do biết hiện tại T không có công việc ổn định nên anh V, chị S thống nhất chỉ yêu cầu Nguyễn Thị T phải trả số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) trong tổng số tiền 900.000.000 đồng còn nợ nêu trên và cho Nguyễn Thị T được trả dần, đến khi trả hết số tiền 400.000.000 đồng thì hai bên không còn quan hệ vay nợ gì với nhau, đồng thời không yêu cầu T phải thế chấp tài sản gì để làm tin.

Ngày 11/6/2021, do Nguyễn Thị T không thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng đối với khoản vay 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng) đã vay tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Vĩnh Phúc, phòng giao dịch Bình Xuyên nên Ngân hàng BIDV đã khởi kiện đối với Nguyễn Hữu T và Ngô Thị Thu H là người đứng tên trong hợp đồng tín dụng. Năm 2023, Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại nêu trên, lúc này chị Nghiêm Thị C biết thông tin Giấy chứng nhận QSDĐ mà T giao cho để làm tin là giấy tờ giả vì Giấy chứng nhận QSDĐ đất thật đã được T thế chấp tại ngân hàng để vay tiền. Tháng 10/2023, chị Nghiêm Thị C đã gửi đơn tố cáo hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của Nguyễn Thị T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc, do biết Chị C gửi đơn tố cáo mình nên tháng 02/2024, Nguyễn Thị T tìm gặp Chị C và đặt vấn đề về việc nhờ Chị C thanh toán toàn bộ khoản tiền vay tại ngân hàng gồm cả tiền gốc và tiền lãi, sau khi được giải chấp và lấy được Giấy chứng nhận QSDĐ ra thì T sẽ cùng Chị C đi làm thủ tục chuyển quyền thủ tục đất S tên Chị C để trừ nợ, giá trị thửa đất được thoả T sẽ đối trừ vào số tiền nợ cũ và tiền Chị C tất toán cho ngân hàng. Do biết Nguyễn Thị T

hiện không có công việc, thu nhập ổn định nên Chị C đồng ý với đề nghị của T, ngày 06/02/2024, Chị C đã đến Ngân hàng BIDV, chi nhánh Vĩnh Phúc, phòng giao dịch Bình Xuyên để thanh toán tiền gốc và lãi của khoản vay với tổng số tiền là 851.266.500 đồng (Tám trăm năm mươi mốt triệu, hai trăm sáu sáu nghìn, năm trăm đồng). Sau khi tất toán khoản vay, T lấy lại Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24 và giao Chị C giữ, đến ngày 05/9/2024, Nguyễn Thị T cùng chị Nghiêm Thị C đến Văn phòng công chứng Vĩnh Yên để làm thủ tục huỷ hợp đồng công chứng trước đó và làm lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y với bên chuyển nhượng là Nguyễn Thị T, bên nhận chuyển nhượng là chị Nghiêm Thị C. Sau đó, chị Nghiêm Thị C đã đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Lạc để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, ngày 23/9/2024, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Yên Lạc đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CG15333 cho chị Nghiêm Thị C là chủ sử dụng thửa đất. Theo thoả T dân sự giữa hai bên, giá trị thửa đất thời điểm hiện tại được tính tương đương với số tiền T còn nợ Chị C là 300.000.000 đồng và 851.266.500 đồng Chị C giúp T tất toán khoản vay trả cho ngân hàng, Nguyễn Thị T chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho Chị C để gán trừ số tiền nợ nêu trên, Chị C không yêu cầu T phải trả khoản chi phí nào khác, sau khi hoàn tất thủ tục, giữa hai bên thống nhất không còn nợ khoản tiền nào với nhau.

Quá trình điều tra CQĐT đã thu giữ Giấy chứng nhận QSDĐ có số phát hành CN 924097, số vào sổ cấp GCN: CS00711, số mã vạch: 0902818002222, thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, diện tích 100m^2, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, là Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất để thế chấp tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Vĩnh Phúc, phòng giao dịch Bình Xuyên và 02 Giấy chứng nhận QSDĐ giả có cùng thông tin như sau: Giấy chứng nhận QSDĐ có số phát hành CN 924097, không có số vào sổ cấp GCN, số mã vạch: 0903418004672, thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, diện tích 100m^2, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, chủ sử dụng mang tên: Nguyễn Thị T, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/5/2018 (Trong đó: 01 Giấy chứng nhận QSDĐ T giao cho chị Nghiêm Thị C, 01 Giấy chứng nhận QSDĐ T giao cho anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị S).

Ngày 02/12/2019, Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã có công văn gửi Phòng KTHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị giám định tài liệu đối với Giấy chứng nhận QSDĐ do anh Nguyễn Văn V cùng vợ là Nguyễn Thị S giao nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Lạc. Ngày 09/12/2019, Phòng KTHS Công an tỉnh Vĩnh Phúc có công văn số 361/TBKQGĐ về việc trả lời kết quả giám định với nội dung như sau:

- Bản in trên tài liệu giám định ký hiệu A1 so với bản in trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một bản in in ra

- Hình dấu tròn có nội dung "SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" đóng

dưới mục "TUQ. GIÁM ĐỐC, KT. GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, PHÓ GIÁM ĐỐC" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dâu tròn có nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên " Nguyễn Thành Hưng" dưới mục: "TUQ. GIÁM ĐỐC, KT. GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, PHÓ GIÁM ĐỐC" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Nguyễn Thành Hưng trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một người ký ra.

Ngày 06/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 1634/QĐ- ĐCSHSKT- MT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, giám định đối với Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y do chị Nghiêm Thị C giao nộp. Ngày 30/9/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số: 2831/KL- KTHS, kết luận:

- Các lớp in trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với các lớp in tương ứng trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một phương pháp in in ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỈNH VĨNH PHÚC - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên "PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thành Hưng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Phó Giám đốc Nguyễn Thành Hưng trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 không phải do cùng một người ký ra. (BL từ số 60 -67)

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, giữa Nguyễn Thị T và chị Nghiêm Thị C, anh Nguyễn Văn V (cùng vợ là Nguyễn Thị S) đã thống nhất thỏa T phương thức trả nợ cho nhau. Đến nay, Chị C có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T.

Tại Cáo trạng số: 40/CT- VKSYL ngày 06 tháng 3 năm 2025, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố Nguyễn Thị T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Đối với 02 Giấy chứng nhận QSDĐ giả có cùng thông tin, có số phát hành CN 924097, không có số vào sổ cấp GCN, số mã vạch: 0903418004672, thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, diện tích 100m^2, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, chủ sử dụng mang tên: Nguyễn Thị T, do Sở Tài nguyên và môi

trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/5/2018 (giả) là vật chứng của vụ án cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án;

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra Viên, của Viện kiểm sát, của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc. Bị cáo khai nhận: Vào khoảng tháng 02/2019 và tháng 4/2019 bị cáo đã sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook liên hệ với một người nam giới, để mua 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, của thửa đất 503, tờ bản đồ số 24; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. T sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để làm tin cho hai khoản nợ của chị Nghiêm Thị C và anh Nguyễn Văn V mà T đã vay từ năm 2018 và 2019. Quá trình điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc đã thu giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng số CN 924097, số vào sổ cấp GCN: CS00711, số mã vạch: 0902818002222.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị T đã phạm vào tội: "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Với hành vi sử dụng tài liệu giả của Cơ q2uan, tổ chức 02 lần nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ hai năm đến năm năm.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các tổ chức, cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; chị

Nghiêm Thị C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, Vì vậy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung, cũng như giúp bị cáo cải tạo thành người công dân tốt và xử phạt bị cáo mức án như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa làm rõ trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Thị T không có động cơ, mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của anh V và Chị C đối với số tiền mà T đã vay từ trước đó, anh V và Chị C cũng thừa nhận việc T làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng cho anh, chị là để làm tin cho anh, chị đỡ đòi nợ đối với T. Như vậy, hành vi sử dụng giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T để làm tin cho khoản nợ mà T vay của anh V và Chị C không đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 174 Bộ luật hình sự. Việc cơ quan CSĐT- Công an huyện Yên Lạc không đề cập xử lý đối với T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, và đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với anh Kim Văn P, thời điểm Nguyễn Thị T thực hiện hành vi phạm tội, anh Phong là chồng hợp pháp của T, quá trình làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị S, T đã đề nghị anh Phong đi cùng và ký vào các giấy tờ liên quan để thực hiện hợp đồng công chứng, anh Phong không biết thoả T giữa T và anh V, không biết Giấy chứng nhận QSDĐ T sử dụng là giấy tờ giả, đồng thời anh Phong không bàn bạc, thoả T và được hưởng lợi gì từ việc này nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Phong là phù hợp.

[8] Đối với anh Nguyễn Hữu T cùng vợ là Ngô Thị Thu H là người được Nguyễn Thị T uỷ quyền đứng tên trong hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng BIDV, chi nhánh Vĩnh Phúc, phòng giao dịch Bình Xuyên, do có mối quan hệ là chị em ruột nên anh Thắng đồng ý đứng tên trong hợp đồng tín dụng giúp T, sau khi được giải ngân, T là người sử dụng tiền và thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Anh Thắng, chị Hường không được hưởng lợi gì từ việc này, không biết về việc sử dụng giấy tờ giả của Nguyễn Thị T, do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Đối với ông Đào Tiến T, Công chứng viên Văn phòng công chứng Vĩnh Yên và bà Ninh Thị L, Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Cân tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra, xác minh xác định khi thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, ông Thức, bà Lợi không biết Giấy chứng nhận QSDĐ do Nguyễn Thị T cung cấp là giấy tờ giả, quá trình thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng, ông Đào Tiến T và bà Ninh Thị L thực hiện đúng vai trò, nhiệm

vụ của Công chứng viên, không có sự bàn bạc, thoả T, hưởng lợi gì từ việc công chứng các hợp đồng này, do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Đối với đối tượng làm giả 02 (hai) Giấy chứng nhận QSDĐ do Nguyễn Thị T đặt làm, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, Nguyễn Thị T không xác định được thông tin lai lịch, địa chỉ của người này do đặt mua qua mạng xã hội, không lưu giữ thông tin liên lạc và các thông tin khác liên quan đến người này nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Nghiêm Thị C, anh Nguyễn Văn V xác nhận việc vay nợ giữa các bên, các bên đã thống nhất thỏa T phương thức trả nợ cho nhau, không có yêu cầu gì do đó Toà không xét.

[12] Về vật chứng vụ án: Đối với 02 Giấy chứng nhận QSDĐ giả có cùng thông tin, có số phát hành CN 924097, không có số vào sổ cấp GCN, số mã vạch: 0903418004672, thửa đất số 503, tờ bản đồ số 24, diện tích 100m^2, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, chủ sử dụng mang tên: Nguyễn Thị T, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15/5/2018 (giả) là vật chứng của vụ án cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án;

[13] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội : "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về lệ phí, án phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT – CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQTHAHS- CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự CA tỉnh;
- UBND xã Bình Định;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Hồng Phúc **Hoàng Văn Khảm** **Trần Thị Lan**

Tại Cáo trạng số: 69a/CT- VKSYL ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố Trần Văn Giang về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h,i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn Giang từ 07 tháng đến 9 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Đại diện bị hại chị Nguyễn Thị Hằng tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra chị trình bày ngày 14/7/2021, Công ty chị bị mất 13 tấm tôn hàng rào do Giang và Lịch trộm cắp, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho Công ty và chị là người đại diện Công ty nhận lại tài sản là 13 tấm tôn, chị không đề nghị Giang và Lịch phải bồi thường gì khác. Chị đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Giang, ngoài ra không trình bày gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Lịch tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh trình bày: Ngày 14/7/2021 anh cùng Trần Văn Giang trộm cắp 13 tấm tôn hàng rào của Công ty cổ phần tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI. Sau khi bị phát hiện, tài sản do anh và Giang trộm cắp bị thu hồi và trả lại bị hại. Ngoài ra anh và Giang không trộm cắp tài sản gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra Viên, của Viện kiểm sát, của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Giang thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc. Bị cáo khai nhận khoảng 0 giờ ngày 14/7/2021. Tại khu vực hàng rào bao quanh khu đất đang thi công dự án khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên – giai đoạn 3 thuộc địa phận thôn Vật Cách, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; bị cáo cùng Nguyễn Văn Lịch trộm cắp 13 tấm tôn hàng rào của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý DOJI, trị giá tài sản là 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của dại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Tuy giá trị tài sản mà bị cáo Giang trộm cắp dưới hai triệu đồng nhưng tháng 3 năm 2021, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Trần Văn Giang đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội danh được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công ty được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm h, i, s khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự đó là phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; tài sản sau khi trộm cắp đã được thu hồi và trả lại ngay cho bị hại. Tuy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân không tốt tháng 3 năm 2021 bị Công an xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà ham chơi không chịu lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại trại giam nhưng khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo và xử phạt bị cáo với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Đối với Nguyễn Văn Lịch là đối tượng cùng với Trần Văn Giang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 14/7/2021, tuy nhiên quá trình điều tra làm rõ Lịch chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của Lịch không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 23/10/2021 Cơ quan CSĐT – Công an huyện Yên Lạc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Lịch đúng quy định của pháp luật

[7] Về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Quá trình điều tra đại diện bị hại là chị Nguyễn Thị Hằng xác nhận đã nhận lại tài sản là 13 tấm tôn. Nay không có đề nghị gì nên tòa không xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA NEWMORING màu bạc có gắn BKS 88A – 042.88 mà Lịch và Giang dùng để đi trộm cắp tài sản ngày 14/7/2021, quá trình điều tra xác định được xe ô tô này Nguyễn Văn Lịch mua của bà Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1968 ở xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc vào khoảng tháng 02/2019 với giá 40.000.000đồng. Hiện chiếc xe ô tô này đang bị Cơ quan CSĐT – Công an huyện Tam Dương tạm giữ và xử lý trong vụ án khác do vậy không đề cập xử lý trong vụ án này.

[8.1] Đối với 01 máy bắn ốc vít loại máy tích điện, không dây, có tay cầm, vỏ màu xanh, dài khoảng 20cm mà Lịch và Giang dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 14/7/2021, Lịch khai nhận để tại trang trại của Lịch ở thôn C, xã Đồng Cương. Cơ quan điều tra đã truy tìm đối với chiếc mày bắn ốc vít này nhưng không thu giữ được. Do đó, không đề cập xử lý.

[8.2] Đối với 01 chiếc áo phông cộc tay và 01 chiếc quần sooc, là quần áo do Giang mặc đi trộm cắp ngày 14/7/2021, do Trần Văn Giang giao nộp do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Giang phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Văn Giang 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo phông cộc tay và 01 chiếc quần sooc đã qua sử dụng của Trần Văn Giang. Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về lệ phí, án phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn Giang phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án án./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Hồng Phúc **Hoàng Văn Khảm** **Trần Thị Lan**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA huyện Yên Lạc;
- CQCSTHAHS - CA huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Trung Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Lan

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- CA huyện Yên Lạc;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh VP;
- Sở tư pháp tỉnh VP;
- Trại giam CA tỉnh VP;
- Lưu HSVA + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Lan